Chi tiết mã HS 3706.90.30

Mã HS	3706.90.30
Mô tả hàng hóa	Phim dùng trong điện ảnh, đã phơi sáng và đã tráng, đã hoặc chưa có rãnh tiếng hoặc chỉ có duy nhất rãnh tiếng / - Loại khác: / - - Phim tài liệu khác
Đơn vị	m
Thời điểm tạo	04/11/2026 09:09:20
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/37069030/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5278
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5278
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5278
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5161
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5122
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5122
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5122
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5122
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5122
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5122
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5166
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5166

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5166
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5166
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5166
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5166
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5164
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5164
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5164
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5164
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5164
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5164
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5164
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5128
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5124
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5124
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5124
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5124
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5124
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5124
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5133
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5133
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5133
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5133
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5133
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5133
VCFTA	2022	2022	5	VC!D5171
VCFTA	2023	2023	5	VC!E5171

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5171
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5171
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5171
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5171
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5168
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5168
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5168
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5168
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5168
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5168
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5176
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5176
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5176
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5176
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5176
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5176
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D5147
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5147
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5147
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5147
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5147
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5147
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D5149
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5149
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5149
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5149

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5149
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5149
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5147
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5147
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5147
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5147
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5147
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5147
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5147
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5168
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5168
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5168
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5168
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5168
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5168
RCEP B	2022	2022	0	B!D5168
RCEP B	2023	2023	0	B!E5168
RCEP B	2024	2024	0	B!F5168
RCEP B	2025	2025	0	B!G5168
RCEP B	2026	2026	0	B!H5168
RCEP B	2027	2027	0	B!I5168
RCEP C	2022	2022	0	C!D5168
RCEP C	2023	2023	0	C!E5168
RCEP C	2024	2024	0	C!F5168
RCEP C	2025	2025	0	C!G5168
RCEP C	2026	2026	0	C!H5168

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I5168
RCEP D	2022	2022	0	D!D5168
RCEP D	2023	2023	0	D!E5168
RCEP D	2024	2024	0	D!F5168
RCEP D	2025	2025	0	D!G5168
RCEP D	2026	2026	0	D!H5168
RCEP D	2027	2027	0	D!I5168
RCEP E	2022	2022	0	E!D5171
RCEP E	2023	2023	0	E!E5171
RCEP E	2024	2024	0	E!F5171
RCEP E	2025	2025	0	E!G5171
RCEP E	2026	2026	0	E!H5171
RCEP E	2027	2027	0	E!I5171
RCEP F	2022	2022	0	F!D5168
RCEP F	2023	2023	0	F!E5168
RCEP F	2024	2024	0	F!F5168
RCEP F	2025	2025	0	F!G5168
RCEP F	2026	2026	0	F!H5168
RCEP F	2027	2027	0	F!I5168
VIFTA	2024	2024	4.3	VI!F4761
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G4761
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H4761
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I4761

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3706.90 có 4 dòng thuế; dòng 3706.90.30 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Phim tài liệu khác.	3706.90.10 Phim thời sự, phim du lịch, phim kỹ thuật và phim khoa học (SEN); 3706.90.40 Loại khác, chỉ có duy nhất rãnh tiếng; 3706.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3706.90.30. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 3706.90.30 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5278), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.